

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022 – 2023

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2,223	739	742	742
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2,000 (89,97%)	680 (92,02%)	650 (87,60%)	670 (90,30%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	153 (6,88%)	43 (5,82%)	67 (9,03%)	43 (5,80%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	63 (2,83%)	11 (1,49%)	23 (3,10%)	29 (3,91%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7 (0,31%)	5 (0,68%)	2 (0,27)	0 (0,00%)
II	Số học sinh chia theo học lực	2,223	739	742	742
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	170 (7,65%)	42 (5,68%)	55 (7,41%)	73 (9,84%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1,223 (55,02%)	370 (50,07%)	391 (52,70%)	462 (62,26%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	803 (36,12%)	316 (42,76%)	286 (38,54%)	201 (27,09%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	27 (1,21%)	11 (1,49%)	10 (1,35%)	6 (0,81%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2,223	739	742	742
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2197 (98,83%)	725 (98,11%)	730 (98,39%)	742 (100,00%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	170 (7,65%)	42 (5,68%)	55 (7,41%)	73 (9,84%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1,223 (55,02%)	370 (50,07%)	391 (52,70%)	462 (62,26%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	20 (0,90%)	10 (1,35%)	10 (1,35%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1	1	0	0
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0,54%)	0	12 (0,62%)	0



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	Chuyên trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	42 (1,89%)	3 (0,41%)	36 (4,85%)	3 (0,40%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	24	8	3	13
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	739 (99,60%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	486 (100%)
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	731 (98,92%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	482 (99,18%)
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Không			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	384 (51,96%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	384 (51,96%)
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	232 (31,39%)	0 (0,00%)	0 (0,00%)	232 (31,39%)
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	2223/1073	739/356	742/346	742/371
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	370	113	124	133



Nơi nhận:

- Đưa trang web trường (để công khai);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Tài